

## PHỤ LỤC A – THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI

Số PL :02 KFM  
Đính kèm HĐNT số :0516-2023/KFM-NT Ngày ký HĐ:01/01/2023  
Mã NCC : V000516 Ngày hết hạn HĐ: 31/12/2024

Thỏa thuận thương mại được lập bởi và giữa CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THỖM (“Bên A” hoặc “Nhà Cung Cấp”) và Công ty Cổ phần King Food Market (“Bên B”), gồm các nội dung:

### MỤC I. GIAO HÀNG

#### 1.1 Địa điểm giao hàng:

STT	Địa điểm thuộc Bên B	Địa điểm giao hàng
1	Tất cả Địa điểm kinh doanh thuộc hệ thống KINGFOODMART tùy từng thời điểm	
2	Kho Trung tâm (Kho DC)	x
3	Địa điểm giao hàng cụ thể được thể hiện trong từng Đơn đặt hàng mà Bên B gửi tới Bên A	

#### Thông tin các kho trung tâm:

- Kho A, Khu kho IIIB, Trung Tâm Thương Mại Bình Điền, Phường 07, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh;
- Kho đông lạnh Công ty Cổ phần Giải pháp Thương Mại ABA – Lô số 18-20, Đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp.HCM;
- Kho lạnh số 2 của Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại ABA - Lô số 87, Hẻm 1231 Tỉnh lộ 43, Khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Công ty TNHH Kho Vận Linker, Số 324 đường DT 743A, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương.

#### 1.2 Thời gian giao hàng:

- Vào ngày/giờ quy định trên Đơn đặt hàng (Purchase Order (PO)); và
- Trong vòng **48 giờ** kể từ lúc gửi đơn đặt hàng; và
- Khi tiến hành giao hàng, Bên A thông báo cho Bên B trước ít nhất 1 (một) ngày.

#### 1.3 Đơn hàng tối thiểu

- Đơn hàng tối thiểu/mã hàng: Không áp dụng
- Đơn hàng tối thiểu/tổng các mã hàng: Không áp dụng

### MỤC II. CÁC ĐIỀU KIỆN HÀNG HÓA

2.1 **Thời hạn sử dụng còn lại của Hàng hóa:** trên tổng thời hạn sử dụng (tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn ghi trên nhãn Hàng Hóa và bản thông tin Hàng Hóa đã cung cấp cho Bên B và đã được Bên B chấp nhận):

STT	Nhóm hàng hóa	Thời hạn sử dụng còn lại tối thiểu đạt
01	Thực phẩm Công Nghệ	Hàng trong nước ít nhất 80% Hàng Nhập khẩu ít nhất 60%
02	Thực phẩm Tươi Sống (thịt gia cầm, gia súc, thủy sản, rau củ, trái cây)	Hàng trong nước ít nhất 100% Hàng Nhập khẩu ít nhất 80%

03	Sữa và thịt chín	Hàng trong nước ít nhất 90% Hàng Nhập khẩu ít nhất 80%
04	Hoá phẩm, Mỹ phẩm	Hàng trong nước ít nhất 80% Hàng Nhập khẩu ít nhất 60%

## 2.2 Hoàn trả Hàng hóa:

Chọn	Các trường hợp áp dụng trả hàng
x	(i) Hàng hóa bị khách hàng trả lại do lỗi của Nhà cung cấp
x	(ii) Hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của NCC
x	(iii) Hàng tạm khóa mã
	(iv) Hàng lưu kho từ ngày giao hàng quá .... ngày
	(v) Sản phẩm có số bán thấp hơn 50% trung bình của ngành hàng đó trong 02 tháng liên tiếp.
x	(vi) Sản phẩm có vấn đề nghiêm trọng về chất lượng trong thời gian mà đáng lẽ chất lượng sẽ không giảm mà nguyên nhân không đến từ quá trình bảo quản và bán hàng của bên B
x	(vii) Hàng cận date phải thông báo trước ngày hết hạn ít nhất 3 ngày
	Trả hàng
	Đổi hàng không hoá đơn
x	Trả hàng và nhập lại hàng mới
	(viii) Trường hợp Bên A không đồng ý đổi trả hàng gần hết hạn sử dụng, Bên A hỗ trợ làm chương trình bán hàng để giải tồn kho trước ___ ngày.

**2.3 Giá trị hoàn trả:** 100% giá trị hàng hóa Bên B thông báo (**Bên A**) sẽ xuất hóa đơn giá trị hoàn trả Hàng hóa).

## MỤC III. THỜI HẠN THANH TOÁN

### 3.1 Thời hạn thanh toán: Thanh toán 1 lần/tháng

Bên B thanh toán cho Bên A 01 lần/01 tháng vào ngày 30 của tháng tiếp theo cho các hoá đơn phát sinh trong tháng trước. Bên A có trách nhiệm gửi biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được uỷ quyền) cho Bên B chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng để Bên B tiến hành soát xét và thanh toán đúng thời hạn nêu trên.

3.2 Trong trường hợp phát sinh chênh lệch sau khi Bên B gửi đối chiếu công nợ, Bên A cần hoàn tất phản hồi trong vòng 3 (ba) ngày làm việc. Việc thực hiện thanh toán trong trường hợp này sẽ là ngày thanh toán cố định của kỳ hoặc ngày làm việc tiếp theo sau khi hai bên hoàn tất đối chiếu công nợ nếu đã quá hạn thanh toán theo ngày cố định.

3.3 Trường hợp ngày đến hạn thanh toán là ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày đến hạn thanh toán được dời sang ngày làm việc tiếp theo.

## MỤC IV. CHIẾT KHẤU

*Handwritten signature*

15  
 TY  
 HÀ  
 MA  
 JC  
 -T  
 0313  
 CÔ  
 CÔ  
 INO  
 MA  
 IN7-1

STT	Nội dung chiết khấu	Tỷ lệ	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
4.1	Chiết khấu bán hàng:	7.5 %	Khấu trừ trực tiếp trên hóa đơn GTGT	01/01/2024
4.2	Chiết khấu cơ bản:	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Bên A xuất hoá đơn tách biệt với hoá đơn mua hàng .	01/01/2024
4.3	Chiết khấu thanh toán đúng hạn trên số tiền Bên B thực thanh toán đúng hạn vào tài khoản Bên A. Trường hợp ngày đến hạn thanh toán là ngày nghỉ, ngày lễ dời sang ngày làm việc tiếp theo vẫn được tính thanh toán đúng hạn.	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Bên B xuất biên nhận	01/01/2024

**MỤC V. THƯỜNG DOANH SỐ: Không áp dụng**

**MỤC VI. CÁC KHOẢN HỖ TRỢ**

STT	Nội dung các khoản hỗ trợ	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
6.1	Hỗ trợ khai trương siêu thị mới (*) (*) Áp dụng cho store có kinh doanh sản phẩm của Bên A	500,000 VNĐ/siêu thị	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do Bên B xuất.	01/01/2024
6.2	Hỗ trợ sinh nhật chuỗi (*) (*) Áp dụng cho toàn hệ thống	5,000,000 VNĐ/cho dịp này	Đối chiếu vào tháng 9/2024. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
6.3	Hỗ trợ Tết âm lịch	Không áp dụng	Đối chiếu tháng 4. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
6.4	Hỗ trợ Dịp lễ/sự kiện đặc biệt	Không áp dụng	Đối chiếu tháng 4. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
6.5	Hỗ trợ vận hành siêu thị	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
6.6	Hỗ trợ chương trình khách hàng thân thiết KFM	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024

**MỤC VII. CÁC KHOẢN CHI PHÍ**

STT	Các khoản phí	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
7.1	Chi phí vận hành kho trung tâm:	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024

*[Handwritten signature]*

STT	Các khoản phí	Chi tiết	Xuất hoá đơn	Áp dụng từ
	*Tính trên đơn hàng giao về kho trung tâm			
7.2	Chi phí tạo mã hàng mới:	3,000,000 VNĐ cho mỗi mã hàng bán lần đầu vào hệ thống	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.3	Chi phí trưng bày	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.4	Chi phí trưng bày tối ưu (Extra display) (*) (*) Chi tiết trong phụ lục B -.....	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.5	Chi phí quảng cáo	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.6	Chi phí huỷ hàng/Hỗ trợ xử lý hàng cận date	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.7	Chi phí quản lý ngành hàng (Category management)	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.8	Chi phí chia sẻ dữ liệu bán hàng (Data exchange)	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.9	Chi phí in ấn	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.10	Chi phí On post promotion	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hóa đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.11	Chi phí kiểm tra chất lượng (Quality check)	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hoá đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.12	Chi phí khuyến mãi (Promotion Support)	Không áp dụng	Đối chiếu tháng. Hóa đơn do bên B xuất.	01/01/2024
7.13	Chi phí thay đổi thông tin			
	a. Đổi tên & mã số thuế	2,000,000VNĐ/lần	Đối chiếu tháng nếu NCC có phát sinh thay đổi thông tin. Hóa đơn do bên B xuất	01/01/2024
	b. Đổi số tài khoản ngân hàng	500,000VNĐ/lần		
	c. Đổi thông tin sản phẩm (Barcode...)	1,000,000VNĐ/sản phẩm		

## MỤC VIII. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

- 8.1 **Phụ lục A** – Thỏa thuận thương mại này có hiệu lực từ ngày ký đến 31/12/2024 Trong vòng một (01) tháng trước khi thời hạn phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, nếu các Bên không có ý kiến gì thì Phụ lục này sẽ được gia hạn 01 (một) năm tiếp theo và chỉ được gia hạn 01 lần. Khi đó hai bên tiến hành ký gia hạn Phụ lục về Thỏa thuận thương mại này.

198-C  
TY  
ẤN  
OOD  
ET  
CHÍNH



- 8.2 Để tránh hiểu lầm, thuật ngữ "tháng" được hiểu là tháng dương lịch bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng cho đến ngày cuối cùng của tháng đó; thuật ngữ "quý" được hiểu là mỗi 3 tháng dương lịch bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng 3, hoặc bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 4 cho đến ngày cuối cùng của tháng 6, hoặc bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 7 cho đến ngày cuối cùng của tháng 9, hoặc bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 10 cho đến ngày cuối cùng của tháng 12; thuật ngữ "năm" được hiểu là năm dương lịch bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng 12.
- 8.3 Tất cả các khoản tiền nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT (thuế GTGT sẽ được cộng vào khi thực thanh toán theo quy định của pháp luật) và sẽ được cần trừ toàn bộ vào các đợt thanh toán tiền hàng gần nhất sau đó, hoặc sẽ được Nhà cung cấp thanh toán trong vòng 05 (năm) ngày làm việc tính từ ngày phát sinh các khoản tiền đó nếu Công ty không còn bất kỳ khoản phải thanh toán nào với Nhà cung cấp.
- 8.4 Ngoài trừ được quy định khác, bất kỳ khoản tiền nào được xác định dựa vào một tỉ lệ phần trăm (%) cụ thể sẽ được hiểu là dựa trên tỉ lệ phần trăm đó trên tổng doanh số chưa bao gồm thuế GTGT của kỳ tương ứng. Kỳ tính toán đầu tiên sẽ được tính từ Ngày bắt đầu.

BÊN B CÔNG TY CỔ PHẦN KING FOOD MARKET	Trưởng ngành hàng	Thu mua	BÊN A Đại diện
 NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG			 DẶNG XUÂN NGỌC
Ngày ký:	Họ tên: Ngày ký:	Họ tên: Vũ Thị Quyên Ngày ký:	Họ tên: Ngày ký:

28-12-2023



